

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu dân cư Bàu Muống, khu phố Ngọc An Trung,
phường Hoài Thanh Tây của UBND phường Hoài Thanh Tây**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3842/STNMT-CCBVMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư Bàu Muống, khu phố Ngọc An Trung, phường Hoài Thanh Tây của UBND phường Hoài Thanh Tây;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư Bàu Muống, khu phố Ngọc An Trung, phường Hoài Thanh Tây của UBND phường Hoài Thanh Tây đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 42/UBND-XDCB ngày 07/3/2024 của UBND phường Hoài Thanh Tây;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 273/TTr-STNMT ngày 12/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Bàu Muống, khu phố Ngọc An Trung, phường Hoài Thanh Tây (sau đây gọi là Dự án) của UBND phường Hoài Thanh Tây (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Hoài Thanh Tây;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ BÀU MUỐNG, KHU PHỐ NGỌC AN TRUNG,
PHƯỜNG HOÀI THANH TÂY
CỦA UBND PHƯỜNG HOÀI THANH TÂY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư Bàu Muống, khu phố Ngọc An Trung, phường Hoài Thanh Tây.
- Địa điểm thực hiện: Phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: UBND phường Hoài Thanh Tây.
- Địa chỉ liên hệ: Phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

- Tổng diện tích dự án: 50.273,6 m²; trong đó:
 - + Diện tích đất ở: 17.129,65 m².
 - + Diện tích đất công viên cây xanh: 3.399,92 m².
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, với diện tích 19.779,60 m².
- Quy mô dân cư dự kiến: khoảng 492 người, gồm 123 lô đất ở.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: 123 lô đất ở có diện tích sử dụng đất 17.129,65 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, cây xanh.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải.
- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng, bóc đất phong hóa và phá dỡ các công trình hiện trạng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động sinh hoạt của cư dân trong dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 19.779,60 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công: hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực phía Tây, phía Đông của dự án và khu dân cư hiện trạng nằm trong dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án phát sinh chất thải sinh hoạt;...

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 50.273,60 m² đất. Trong đó, diện tích đất trồng lúa khoảng 19.779,60 m², ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,16 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 03 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 48,9 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x,

NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động giao thông của người dân, quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh (sinh khối thực vật...) với khối lượng khoảng 0,5 – 1,0 tấn. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 3.404,7m³ và xà bần từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng 30m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn, xà bần,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng 48 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 500,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 2,5kg/tháng trong quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải,...

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là pin thải, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành: Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 500 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của dự án thiết kế tự chảy và thoát riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc trên vỉa hè các tuyến đường, vật liệu bằng cống bê tông cốt thép (đường kính từ D600 đến D1200) thu về tuyến cống hộp BTCT B = 2x2.5m; Hồ thu nước mưa bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2, phía trên lắp đặt lưới chắn rác bằng gang.

Xây dựng rãnh thoát nước giáp ranh các khu dân cư hiện trạng, B = 0.4m, bằng BTCT M250 đá 1x2, thu nước khu dân cư hiện trạng đầu nối với hệ thống thoát nước trong khu dự án.

Chỉnh tuyến mương đất thoát nước hiện trạng bằng tuyến cống B = 2x2.5m, bằng BTCT M300 đá 1x2, dẫn về cống hiện trạng đường Nguyễn Trãi phía Bắc khu dự án.

+ Mạng lưới thoát nước: Chia làm 03 lưu vực thoát nước chính

Lưu vực 1: Lưu vực phía Bắc đường S2 (từ đường S2 đến đường Nguyễn Trãi), nước mưa được thu gom về các tuyến cống chính dẫn về các cửa xả 1,2,5,6,7,8,9 rồi thoát ra tuyến cống hộp 2x(2,5x2)m, sau đó dẫn về cống hộp thiết kế mới 5x2,5m trên đường Nguyễn Trãi (Cống tại Km 0+130,44 thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1(Năm Tấn) đến ĐT.639, tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Chợ Bộng) đến ĐT.638 và tuyến đường từ cầu chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc).

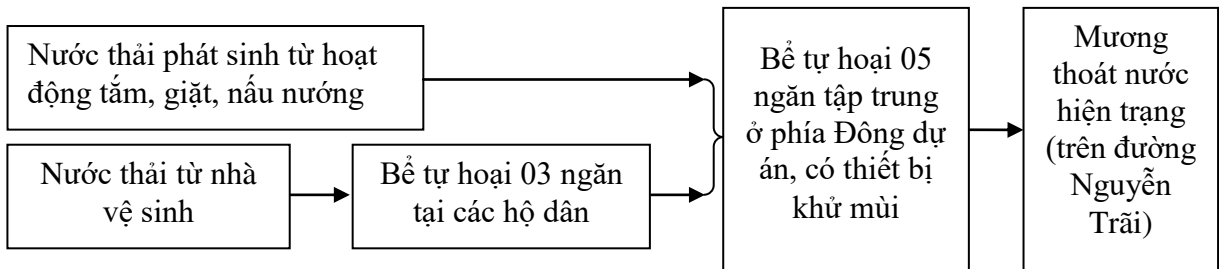
Lưu vực 2: Lưu vực phía Nam đường S2 (từ Quốc lộ 1A đến đường D2), được thu gom về các tuyến cống chính dẫn về cửa xả 3 rồi thoát ra tuyến cống hộp 2x(2,5x2)m, sau đó dẫn về cống hộp thiết kế mới 5x2,5m trên đường

Nguyễn Trãi.

Lưu vực 3: Lưu vực phía Nam đường S2 (từ đường D2 đến đường D3), được thu gom về các tuyến cống chính dẫn về cửa xả 4 rồi thoát ra tuyến cống hộp 2x(2,5x2)m, sau đó dẫn về cống hộp thiết kế mới 5x2,5m trên đường Nguyễn Trãi.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Trong giai đoạn hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của thị xã Hoài Nhơn chưa được xây dựng đồng bộ, nước thải phát sinh từ dự án được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 05 ngăn trước khi thoát ra môi trường, cụ thể như sau:



+ Khi hạ tầng thu gom và xử lý nước thải chung của thị xã Hoài Nhơn được đầu tư đồng bộ, UBND phường Hoài Thanh Tây có trách nhiệm thực hiện việc đấu nối nước thải phát sinh từ dự án về Nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý mùi hôi phát sinh từ bể tự hoại 05 ngăn tập trung như sau: Mùi hôi → Thấp khử mùi (sử dụng than hoạt tính làm vật liệu hấp phụ) → Ống thoát khí cao 5m.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.
- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.
- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu vực dự án. Đặc biệt là khu vực bố trí bể tự hoại 05 ngăn tập trung ở phía Đông dự án.
- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bóc phong hóa được tận dụng để đắp vào khu vực công viên cây xanh diện tích 3.399,92 m²;

+ Khối lượng xà bần phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu với khối lượng khoảng 30 m³, được tận dụng san lấp nền đường giao thông của dự án, phần chất thải không thể tận dụng sẽ được tập trung lại khu vực tạm thời (bố trí gần cổng dự án). Các loại chất thải này được chủ đầu tư thông qua nhà thầu xây dựng hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn vận hành: Người dân thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05 m² tại công trường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành

- Người dân thu gom và lưu giữ trong các thiết bị chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Sử dụng các thiết bị thi công đăng kiểm đảm bảo.

- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 06h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, tăng cường trồng các dải cây xanh.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa:

Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện

công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí.

- + Khu vực phía Bắc dự án gần đường Nguyễn Trãi, tọa độ X = 1.605.586, Y = 584.531 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108°15').

- + Khu vực bên trong dự án, tọa độ X= 1.605.398, Y= 584.523 (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 108°15').

Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.